

Số: 74 /BC-UBND

Hưng Yên, ngày 29 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO

Đề nghị thẩm định nguồn vốn và phần vốn ngân sách trung ương cho dự án khởi công mới: Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đường ĐT.386 và kè gia cố mái ta luy đoạn từ thị trấn Trần Cao đến bến phà La Tiến (Km16+0 ÷ Km25+900)

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và TPCP;

Căn cứ Công văn số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ NSNN và TPCP;

Căn cứ Công văn số 386/UBND-KT1 ngày 14/3/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận nhiệm vụ thiết kế xây dựng nâng cấp tuyến đường ĐT.386 và kè gia cố mái ta luy đoạn từ thị trấn Trần Cao đến bến phà La Tiến (Km16+0 ÷ Km25+900);

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và phần vốn ngân sách trung ương đối với Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đường ĐT.386 và kè gia cố mái ta luy đoạn từ thị trấn Trần Cao đến bến phà La Tiến (Km16+0 ÷ Km25+900), tỉnh Hưng Yên với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Xây dựng nâng cấp tuyến đường ĐT.386 và kè gia cố mái ta luy đoạn từ thị trấn Trần Cao đến bến phà La Tiến (Km16+0 ÷ Km25+900).
2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên.
3. Đơn vị lập dự án: Liên danh Công ty CP xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh và Trung tâm Tư vấn Giao thông vận tải.
4. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Đặng Đức Cương.
5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường để đảm bảo việc lưu thông hàng hoá và đi lại của nhân dân địa phương tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Phù Cừ nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.
6. Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.
7. Nội dung và quy mô đầu tư
 - 7.1. Bình đồ tuyến: Cơ bản theo hướng tuyến đường hiện tại.

Điểm đầu (Km16+0) giao với QL.38B thuộc địa phận thị trấn Trần Cao; điểm cuối (Km25+900) giao với đường ĐT.378 (tiếp giáp bên phà La Tiên) huyện Phù Cừ, chiều dài $L = 9.900$ m.

7.2. Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở mặt đường cũ thiết kế nâng cao mặt đường để đảm bảo chiều dày kết cấu và độ êm thuận toàn tuyến.

7.3. Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 7,0$ m, độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$;
- Chiều rộng lề gia cố $B_{\text{LGC}} = 2 \times 2,0 = 4,0$ m (lề gia cố có kết cấu như kết cấu mặt đường);
- Chiều rộng lề đất $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5$ m = 1,0 m, độ dốc ngang lề đường $i_{\text{lề đất}} = 4\%$;
- Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 12$ m; ta luy đắp 1/1,5.

* Xây dựng vỉa hè rộng từ 3 m ÷ 5 m, độ dốc ngang $i = 1,5\%$ tại những vị trí qua khu vực thị trấn Trần Cao và khu có đông dân cư:

+ Vỉa hè bên trái tuyến: Đoạn từ Km16+0 ÷ Km17+449; Km19+477 ÷ Km19+832; Km21+457 ÷ Km22+474; Km23+237 ÷ Km24+218; Km25+00 ÷ Km25+836.

+ Vỉa hè bên phải tuyến: Đoạn từ Km16+00 ÷ Km17+480; Km19+668 ÷ Km20+00; Km21+482 ÷ Km22+44.

7.4. Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{y/c} = 140$ MPa.

7.5. Giải pháp kết cấu:

* Đoạn từ Km16+0 ÷ Km21+400 và đoạn từ Km25+600 ÷ Km25+900

- Lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5 cm;
- Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn $0,5$ kg/m²;
- Lớp bê tông nhựa hạt trung dày 7 cm;
- Bù vênh bê tông nhựa hạt trung;
- Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn 1 kg/m²;

* Đoạn từ Km21+400 ÷ Km25+600

- Lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5 cm;
- Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn $0,5$ kg/m²;
- Lớp bê tông nhựa hạt trung dày 7 cm;
- Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn 1 kg/m²;
- Lớp CPĐD loại I dày 15 cm;
- Lớp CPĐD loại II dày 30 cm;
- Lớp móng cát đen đầm chặt K98 dày 50 cm;

- Nền đường đầm chặt K95.

* Vía hè: Lát gạch tự chèn, dưới đệm lớp BTXM mác 100 dày 10 cm, móng cát đen đầm chặt K95.

* Lê đường đắp đất đầm chặt K95.

7.6. Hệ thống thoát nước, công trình trên tuyến

7.6.1. Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc:

+ Đoạn ngoài khu dân cư: Thoát nước tự nhiên.

+ Đoạn qua khu dân cư: Xây dựng rãnh thoát nước dọc ($B_{\text{đáy}} = 0,5$ m).
Kết cấu: Tường rãnh xây gạch, vữa XM mác 75, đáy rãnh đổ BTXM mác 150 dày 10 cm (*dưới đệm lớp đá dăm dày 5 cm*), mũ rãnh đổ BTCT mác 150, trên đây nắp tấm đan BTCT mác 250.

- Thoát nước ngang: Thiết kế xây mới 07 cống hộp BTCT, kích thước BxH = 2 x (1,0 x 1,0) m.

7.6.2. Công trình trên tuyến

- Xây dựng mới 02 cầu trên tuyến (cầu Tiên Tiến và cầu Chéo) bằng BTCT, tải trọng thiết kế HL-93; chiều rộng mặt cầu B = (0,5 + 11 + 0,5) m = 12 m (bao gồm cả lan can); chiều dài cầu (tính đến đuôi mố) 8,0 m.

- Kết cấu: Móng mố đổ BTCT mác 250, được đặt trên hệ thống cọc BTCT mác 300, tiết diện cọc (25 x 25) cm; thân mố và tường cánh mố đổ BTCT mác 200; mũ mố đổ BTCT mác 220. Dầm bản mặt cầu bằng BTCT mác 300, chiều dài L = 6,6 m, chiều cao 0,3 m; mặt cầu BTCT mác 250, lan can bằng thép.

7.6.3. Kè gia cố mái taluy nền đường:

- Xây dựng kè trọng lực tại các vị trí vai đường nằm tiếp giáp sông, chênh cao từ lòng sông đến vai đường lớn và bờ sông dốc đứng. Kết cấu: móng kè BTXM mác 150 (*gia cố nền móng bằng cọc tre*); thân kè xây đá hộc vữa xi măng cát mác 100, đỉnh kè đổ BTXM mác 150.

- Xây dựng kè ốp mái taluy: Xây dựng kè ốp mái tại các vị trí vai đường nằm tiếp giáp sông, chênh cao từ lòng sông đến vai đường không lớn, bờ sông thoải và các vị trí vai đường tiếp giáp với ruộng cấy lúa; mái taluy 1:1,5. Kết cấu: Xây đá hộc vữa xi măng cát mác 100, dày 30 cm, dưới đệm lớp đá dăm dày 10 cm, chân khay đổ BTXM mác 150.

7.7. An toàn giao thông: Thiết kế theo Điều lệ báo hiệu đường bộ 22TCN 237-01.

8. Loại, cấp công trình: Loại công trình giao thông; công trình cấp II.

9. Phương án giải phóng mặt bằng: Tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Hưng Yên.

10. Tổng mức đầu tư:	323.394 triệu đồng
- Chi phí xây dựng:	241.199 triệu đồng
- Chi phí QLDA:	2.795 triệu đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.606 triệu đồng
- Chi phí khác:	10.597 triệu đồng
- Chi phí GPMB (tạm tính):	17.000 triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	42.197 triệu đồng

11. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách trung ương 90 %;
- Ngân sách địa phương 10 %.

12. Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

Năm	Nguồn vốn NSTW (Triệu đồng)	Nguồn vốn NSDP (Triệu đồng)
- Năm thứ nhất	174.633	19.404
- Năm thứ 2	43.658	4.851
- Năm thứ 3	29.105	3.234
- Năm thứ 4	29.105	3.234
- Năm thứ 5	14.553	1.617

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành dự án.

14. Các nội dung khác và tài liệu thuyết minh về dự án gửi kèm theo: Thuyết minh dự án và thiết kế cơ sở.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cho ý kiến thẩm định về nguồn vốn và phân vốn ngân sách Trung ương của dự án. *a*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Giao thông vận tải;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, GTTL;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Xuân Thơi